HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

VŨ THỊ NGỌC

VẤN ĐỀ XÂY DỰNG VĂN HOÁ SINH THÁI CỦA NGƯỜI DÂN Ở TỈNH ĐẮK LẮK HIỆN NAY

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ

Mã số: 9229002

HÀ NỘI – 2026

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. PGS. TS Lê Thị Thanh Hà

2. TS. Lê Thị Hạnh

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Phản biện 3: .....

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng Chấm luận án cấp Học viện họp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Vào hồi ... giờ... ngày ... tháng ... năm 202...

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia

- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Về lý luận: Xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin cho rằng con người là một bộ phận của tự nhiên, có quan hệ khăng khít, không tách rời tự nhiên. Để tồn tại và thích nghi với tự nhiên, con người đã sáng tạo ra các giá trị, chuẩn mực để điều chỉnh mối quan hệ này nhằm tạo ra "quan hệ hài hòa", giúp con người và tự nhiên cùng tồn tại. Ở Việt Nam, xuất phát từ nền sản xuất nông nghiệp lúa nước, từ sớm con người đã có nhận thức đa dạng về tự nhiên, hình thành các giá trị, chuẩn mực, tín ngưỡng thờ tự nhiên nhằm duy trì mối quan hệ cân bằng giữa con người và tự nhiên. Đó là VHST.

Về thực tiễn: Ở Việt Nam, chủ trương của Đảng hướng đến xây dựng nền sản xuất hiện đại, số hóa, bền vững, thân thiện với môi trường, đặt ra yêu cầu xây dựng các giá trị, chuẩn mực, hành vi và lối sống hài hòa với tự nhiên cho người dân. Đây là yêu cầu cấp thiết về xây dựng VHST.

Đắk Lắk là tỉnh có hệ sinh thái và văn hóa đa dạng, đặc sắc. Sau khi sáp nhập với tỉnh Phú Yên (cũ), không gian sinh thái mở rộng, sinh kế đa dạng, tạo nên những cách thức thích nghi, khai thác và ứng xử với tự nhiên phong phú, làm nên nền VHST đa dạng. Tuy nhiên, tỉnh đang chịu sức ép lớn về BVMT và sức khỏe người dân; các giá trị văn hóa truyền thống có nguy cơ mai một hoặc không còn phù hợp với phương thức tổ chức sản xuất mới, trong khi hoạt động sản xuất, tiêu dùng và phát triển kinh tế ngày càng gia tăng. Vì vậy, xây dựng VHST của người dân có ý nghĩa quan trọng trong phát huy các giá trị sinh thái tích cực, khắc phục nhận thức, tập quán và hành vi chưa phù hợp, từng bước hình thành phương thức sản xuất và lối sống hài hòa với tự nhiên. Do đó, nghiên cứu đề tài "*Vấn đề xây dựng văn hóa sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay*" có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

2. Mục đích và nhiệm vụ của luận án

2.1. Mục đích của luận án

Luận án làm rõ cơ sở lý luận và thực trạng vấn đề xây dựng văn hoá sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk, chỉ ra một số vấn đề đặt ra từ thực trạng xây dựng văn hoá sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay, qua đó đề xuất một số nhóm giải

pháp nâng cao hiệu quả xây dựng văn hoá sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

- Tổng quan các công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài, chỉ ra giá trị của các công trình khoa học liên quan đến đề tài và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu của luận án.

- Làm rõ cơ sở lý luận; làm rõ chủ thể, nội dung, phương thức và các yếu tố tác động đến xây dựng văn hóa sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk

- Phân tích thực trạng và những vấn đề đặt ra từ thực trạng xây dựng văn hoá sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk từ năm 2016 đến nay

- Đề xuất một số giải pháp cơ bản nâng cao hiệu quả xây dựng văn hoá sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là vấn đề xây dựng văn hoá sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nội dung: luận án nghiên cứu vấn đề xây dựng văn hoá sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk.

- Phạm vi không gian: Luận án nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; trong đó, giai đoạn trước năm 2025 sử dụng số liệu của tỉnh Đắk Lắk cũ, từ năm 2025 sử dụng số liệu của tỉnh Đắk Lắk mới được hình thành trên cơ sở sắp xếp tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội.

- Phạm vi thời gian: từ năm 2016 - 2026

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của luận án là các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa con người, xã hội và tự nhiên; lý luận văn hóa và giá trị của văn hóa. Ngoài ra luận án còn dựa trên quan điểm của chủ tịch Hồ Chí Minh về bảo vệ môi

trường; dựa trên quan điểm của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững; lý luận về văn hoá sinh thái của các công trình nghiên cứu đi trước có liên quan.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án dựa trên phương pháp luận của CNDVBC và DVLS

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như phân tích, tổng hợp để phân tích các khái niệm, các quan niệm về văn hóa sinh thái ở nhiều các công trình nghiên cứu có liên quan, qua phân tích, luận án làm rõ nội dung, cách tiếp cận của các công trình đó. Trên cơ sở kết quả phân tích các công trình, luận án tổng hợp lựa chọn những nội dung có giá trị thể kế thừa, phát triển khi xây dựng các khái niệm như văn hóa, sinh thái, văn hoá sinh thái, xây dựng văn hoá sinh thái, xây dựng văn hoá sinh thái của người dân và xây dựng văn hoá sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk. Phương pháp này còn được sử dụng để khái quát các luận điểm ở phần lý luận làm cơ sở phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp của luận án.

Luận án sử dụng phương pháp thống kê để khai thác, thu thập, phân loại, hệ thống hóa và tổng hợp các số liệu thứ cấp từ các báo cáo, các công trình nghiên cứu và các tài liệu có liên quan đề phân loại, tổng hợp, hệ thống hoá thông tin về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, dân cư, tài nguyên, môi trường và các số liệu, nội dung phản ánh thực trạng xây dựng văn hoá sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk. Các số liệu được chọn lọc phù hợp với nội dung và nhiệm vụ nghiên cứu, làm căn cứ để phân tích bối cánh, đánh giá thực trạng và vấn đề đặt ra trong xây dựng văn hoá sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk.

Luận án sử dụng phương pháp đối chiếu và so sánh trong phần tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài nhằm rút ra các điểm tương đồng, sự khác biệt về cách tiếp cận, nội dung và kết quả nghiên cứu ở các công trình, từ đó xác định nội dung nào luận án có thể kế thừa, phát triển và khoảng trống mà các công trình này chưa đề cập nhưng lại là những nhiệm vụ mà luận án phải giải quyết. Phương pháp này còn được sử dụng để đối chiếu các yêu cầu về xây dựng văn hoá sinh thái ở phần lý luận với thông tin từ thực từ được tổng hợp từ các tài liệu thứ cấp, qua đó luận án

đánh giá về kết quả đạt được trong xây dựng văn hoá sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk, qua đó làm rõ những vấn đề đặt ra, làm căn cứ để đề xuất các giải pháp phù hợp.

Luận án sử dụng phương pháp phân tích tài liệu để khai thác và phân tích các tác phẩm của C.Mác, Ph.Ăngghen, của Chủ tịch Hồ Chí Minh, văn kiện của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các báo cáo, số liệu thống kê và tài liệu về tỉnh Đắk Lăk. Các tài liệu này được phân tích để chọn lọc các nội dung và các số liệu, thông tin phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án, tức là để phục vụ xây dựng cơ sở lý luận, phân tích thực trạng làm luận cứ cho các giải pháp được đề xuất trong luận án.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Luận án bổ sung cách tiếp cận về nguồn gốc VHST từ tồn tại xã hội; nội dung của VHST, XD VHST từ vai trò chủ thể của người dân, trong đó người dân vừa là chủ thể trực tiếp sáng tạo, phát triển các giá trị VHST, vừa là chủ thể thực hành các giá trị đó trong đời sống; qua đó làm rõ XD VHST của người dân không chỉ được hình thành thông qua tác động của các chủ thể, thiết chế bên ngoài mà còn được xây dựng và phát huy từ chính hoạt động thực tiễn của người dân trong những điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội và sinh thái cụ thể

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận của luận án

- Luận án xây dựng hệ thống cơ sở lý luận về VHST; XD VHST trên các nội dung: chủ thể, nội dung, phương thức. Chỉ ra một số yếu tố cơ bản tác động đến XD VHST của người dân ở tỉnh Đắk Lắk.

- Luận án cung cấp cho người đọc bức tranh về thực trạng và vấn đề đặt ra từ thực trạng XD VHST của người dân ở tỉnh Đắk Lắk.

- Luận án cung cấp ba nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả XD VHST của người dân ở tỉnh Đắk Lắk trong bối cảnh hiện nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần cung cấp căn cứu khoa học và thực

tiễn cho tỉnh Đắk Lắk XD VHST của người dân góp phần vào bảo vệ môi trường sống và phát triển bền vững.

- Kết quả nghiên cứu của luận án cung cấp cho người đọc thực trạng XD VHST của người dân ở tỉnh Đắk Lắk.

- Kết quả nghiên cứu của luận án nhằm nâng cao nhận thức của nghiên cứu sinh và làm tài liệu tham khảo cho việc XD VHST của người dân các tỉnh khác ở nước ta.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, kết cấu của luận án gồm 4 chương và 12 tiết

CHƯƠNG 1:
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LÝ LUẬN XÂY DỰNG VĂN HOÁ SINH THÁI

Luận án đã tổng quan các công trình nghiên cứu về lý luận xây dựng VHST. Các công trình nghiên cứu đã đề xuất rất nhiều khái niệm dưới các góc độ tiếp cận khác nhau về VHST, về cấu trúc, về vai trò của sinh thái trong PTBV ở Việt Nam, hoặc ở một số khu vực của nước ta, rất có giá trị tham khảo với luận án.

1.2. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN THỰC TRẠNG XÂY DỰNG VĂN HOÁ SINH THÁI

Luận án đã tổng quan các công trình nghiên cứu về thực trạng xây dựng VHST với các hướng nghiên cứu: *thứ nhất*, một số công trình nghiên cứu mô hình với cách làm cụ thể ở một số địa phương về xây dựng XD VHST, hoặc là mô hình của nước ngoài từ đó rút ra bài học đối với Việt Nam trong xây dựng VHST*; thứ hai*, một số công trình nghiên cứu tập trung vai trò các chủ thể là nhà nước, doanh nghiệp và người dân đối với BVMT; *thứ ba*, một số công trình nghiên cứu tập trung vào phân tích tác động của quá trình phát triển kinh tế, xã hội đến môi trường, *thứ tư*, một số công trình nghiên cứu về hiệu quả của giáo dục, truyền thông, chuyển đổi sản xuất với BVMT.

1.3. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VĂN HOÁ SINH THÁI

Luận án đã tổng quan một số công trình nghiên cứu về giải pháp xây dựng VHST. Các công trình nhấn mạnh đến một số giải pháp cụ thể như tăng cường vai trò giáo dục, truyền thông để nâng cao ý thức sinh thái cho người dân; tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường ; bảo tồn các giá trị văn hóa bản địa; chuyển đổi sang sản xuất xanh, và ứng dụng công nghệ số vào sản xuất. Các giải pháp này còn ở dạng giải pháp chung là chủ yếu.

1.4. KHÁI QUÁT VỀ GIÁ TRỊ CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ TỔNG QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.4.1. Khái quát giá trị các công trình đã tổng quan liên quan đến luận án

Thứ nhất, về lý luận xây dựng VHST ở Việt Nam, các công trình nghiên cứu tao lập được những cơ sở lý luận quan trọng cho nghiên cứu về VHST và XD VHST. Các nghiên cứu đã đưa ra khái niệm gần ý thức sinh thái, lối sống sinh thái, văn minh sinh thái; một số công trình đã đưa ra khái niệm VHST, từ đó đã chỉ ra cấu trúc, đặc điểm vai trò của VHST với BVMT và PTBV, trong đó nhấn mạnh phải xây dựng mối quan hệ hài hòa giữa con người với tự nhiên và yêu cầu kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường. Một số công trình tiếp cận VHST từ phương diện giá trị văn hóa, nên đã nhấn mạnh sự cần thiết phải bảo tồn, phát huy tri thức bản địa, các giá trị truyền thống như luật tục, lối sống hài hòa với tự nhiên của cộng đồng dân cư. Cũng có những nghiên cứu đề cập đến vai trò của các chủ thể xã hội trong đó con người, các cộng đồng trong việc hình thành, duy trì và thực hành các giá trị sinh thái. Đây những giá trị lý luận đóng vai trò là cơ sở để luận án kế thừa, chọn lọc, phát triển, gợi mở những vấn đề nghiên cứu mà các công trình bỏ ngỏ để luận án tiếp cận trong nghiên cứu vấn đề xây dựng VHST của người dân ở tỉnh Đắk Lắk.

Thứ hai, về thực trạng xây dựng VHST ở Việt Nam hiện nay. Các công trình đã nghiên cứu thực trạng VHST, vai trò của VHST gắn với PTBV và nhiều vấn đề khác như tình hình môi trường, thực trạng đời sống sinh thái, văn hóa ứng xử với tự nhiên ở một số vùng miền, cũng như trên phạm vi cả nước. Có nghiên cứu về ra tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, của kinh tế thị trường và phương thức sản xuất lạc hậu đến nhận thức, hành vi và đời sống con người. Có những nghiên cứu

phản ánh những tác động tích cực từ sự thay đổi nhận thức, hành vi của người dân, doanh nghiệp, chính quyền đến BVMT, đồng thời cũng chỉ ra những hạn chế trong BVMT, khai thác tài nguyên và phát huy các giá trị sinh thái truyền thống. Có những nghiên cứu về vai trò của cộng đồng, của luật tục, già làng, người có uy tín, tri thức bản địa của Tây Nguyên, trong đó có Đắk Lắk đối với BVMT sinh thái, trong quản lý tài nguyên. Những kết quả nghiên cứu này cung cấp tư liệu, gợi mở cách tiếp cận, từ đó giúp luận án nhận diện và khái quát những vấn đề đặt ra trong xây dựng VHST của người dân ở tỉnh Đắk Lắk.

Ba là, về giải pháp xây dựng VHST ở Việt Nam hiện nay. Các công trình nghiên cứu đã đề xuất khá đa dạng các giải pháp nhằm xây dựng VHST ở Việt Nam hiện nay. Một số nghiên cứu nhấn mạnh việc hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về BVMT; tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi gây ô nhiễm, khai thác tài nguyên trái phép; đồng thời gắn yêu cầu BVMT với phát triển kinh tế xanh, công nghệ sạch và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Một số công trình chú trọng các giải pháp về giáo dục, tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm sinh thái và hình thành các chuẩn mực, lối sống thân thiện với tự nhiên; phát huy vai trò của người dân, cộng đồng và các tổ chức xã hội trong BVMT. Bên cạnh đó, có những nghiên cứu đề xuất bảo tồn, phát huy tri thức bản địa, luật tục và các giá trị văn hóa truyền thống tích cực gắn với yêu cầu BVMT; xây dựng và nhân rộng các mô hình, phong trào cộng đồng về BVMT. Những giải pháp này là nguồn tham khảo quan trọng để luận án kế thừa, chọn lọc và phát triển các giải pháp XD VHST phù hợp với chủ thể là người dân trong xây dựng VHST phù hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh Đắk Lắk.

Nhìn chung, các nhà khoa học đã tiếp cận, nghiên cứu về VHST với nhiều cấp độ khác nhau. Tất cả các tri thức về VHST đều được nghiên cứu sinh tiếp thu, kế thừa và chuyển tải trong các nội dung của luận án. Tuy nhiên, nghiên cứu về xây dựng VHST của người dân tỉnh Đắk Lắk thì chưa có một công trình khoa học nào đi sâu nghiên cứu. Vì vậy, đây là "khoảng trống" để luận án đi vào nghiên cứu vấn đề này.

1.4.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Trên cơ sở tiếp thu giá trị của các công trình đã nghiên cứu về VHST, luận án sẽ

tiếp cận nghiên cứu vấn đề XD VHST dưới góc độ tiếp cận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, và luận án sẽ làm rõ các vấn đề sau:

Về lý luận, các công trình nghiên cứu đã xây dựng nhiều khái niệm để làm cơ sở nghiên cứu về VHST nhưng chưa có công trình nào đề xuất khái niệm "xây dựng văn hóa sinh thái" và khái niệm "Xây dựng văn hóa sinh thái của người dân", khái niệm "Xây dựng văn hóa sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk". Cũng chưa có công trình nào tiếp cận theo cấu trúc chủ thể, nội dung, phương thức trong XD VHST của người dân để xác định người dân là chủ thể của quá trình XD VHST cho chính họ, qua đó làm rõ người dân không chỉ là đối tượng tiếp nhận các tác động từ bên ngoài mà còn là chủ thể trực tiếp XD VHST cho chính mình. Vì vậy, luận án tiếp tục phân tích, làm rõ các khái niệm văn hóa, sinh thái, VHST và xây dựng VHST, XD VHST của người dân dưới góc độ triết học; làm rõ nội dung, các yếu tố cấu thành VHST và nội hàm của xây dựng VHST của người dân. Trên cơ sở quan niệm VHST như một hình thái ý thức xã hội, phản ánh tồn tại xã hội và thể hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong những điều kiện lịch sử cụ thể, luận án tiếp tục luận giải vai trò, chủ thể, nội dung và phương thức XD VHST của người dân, đồng thời xác định những yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến quá trình này ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay.

Về thực tiễn, luận án phân tích đánh giá thực trạng XD VHST của người dân ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay gồm chủ thể xây dựng VHST của người dân ở tỉnh Đắk Lắk, nội dung XD VHST của người dân ở tỉnh Đắk Lắk, phương thức XD VHST của người dân ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay, từ đó chỉ ra các vấn đề đang đặt ra từ thực trạng XD VHST của người dân ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay.

Về giải pháp, luận án đề xuất một số nhóm giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng VHST của người dân ở tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới. Các nhóm giải pháp được thiết kế theo hướng theo hướng phát huy vai trò chủ thể của người dân ở tỉnh Đắk Lắk trong việc hình thành, củng cố và thực hành các thành tố của VHST, thông qua những phương thức phù hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh Đắk Lắk, nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng VHST của người dân ở tỉnh Đắk Lắk.

Chương 2

XÂY DỰNG VĂN HOÁ SINH THÁI CỦA NGƯỜI DÂN Ở TỈNH ĐẮK LẮK – MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

2.1.1. Văn hóa sinh thái

2.1.1.1. Khái niệm văn hóa sinh thái

** Khái niệm văn hoá*

Văn hóa là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình sản xuất, được lưu truyền và phát triển qua các thế hệ, phản ánh cách con người lao động, suy nghĩ, ứng xử và tương tác với môi trường tự nhiên, xã hội.

** Khái niệm sinh thái*

Là hệ thống tự nhiên và là cách con người nhận thức và ứng xử với môi trường, tức là mối quan hệ giữa con người - tự nhiên - xã hội.

** Khái niệm văn hóa sinh thái*

Văn hóa sinh thái là hệ thống giá trị, chuẩn mực, và cách ứng xử mà con người xây dựng trong mối quan hệ với tự nhiên và môi trường sống.

2.1.1.2. Nguồn gốc và đặc trưng của văn hóa sinh thái

Một là, văn hoá sinh thái được hình thành và phát triển trên cơ sở điều kiện môi trường tự nhiên, kinh tế và xã hội của mỗi cộng đồng.

Hai là, văn hoá sinh thái biểu hiện phương thức con người nhận thức, thích nghi, sử dụng và cải biến tự nhiên.

Ba là, văn hoá sinh thái luôn vận động và phát triển trên cơ sở kế thừa, đổi mới để thích ứng với sự biến đổi của điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội.

2.1.1.3. Vai trò của văn hóa sinh thái

Một là, định hướng nhận thức, giá trị, chuẩn mực đối với môi trường tự nhiên

Hai là, điều chỉnh hành vi và lối sống của con người trong quan hệ với tự nhiên

Ba là, gắn kết cộng đồng trong bảo vệ môi trường sinh thái, qua đó tạo nền tảng xã hội cho phát triển bền vững

2.1.2. Các yếu tố cấu thành văn hóa sinh thái

2.1.2.1. Tri thức sinh thái

Tri thức sinh thái được hiểu là hệ thống những hiểu biết của con người về tự nhiên, các quy luật vận động của tự nhiên và mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, được hình thành, tích lũy, kiểm nghiệm và phát triển thông qua hoạt động thực tiễn, làm cơ sở cho sự hình thành các giá trị sinh thái, biểu tượng sinh thái, hành vi sinh thái, lối sống sinh thái và thiết chế sinh thái

2.1.2.2. Giá trị sinh thái

Giá trị sinh thái là những quan niệm và tiêu chí đánh giá được cộng đồng thừa nhận về ý nghĩa, vai trò và cách thức ứng xử đúng đắn giữa con người với tự nhiên, được hình thành, kiểm nghiệm, phát triển thông qua hoạt động thực tiễn nhiều thế hệ.

2.1.2.3. Biểu tượng sinh thái

Biểu tượng sinh thái là một dạng biểu tượng văn hóa, trong đó các sự vật, hình ảnh, hình tượng, không gian, hành vi hoặc thực hành văn hóa gắn với tự nhiên biểu đạt và truyền tải những ý nghĩa, giá trị, niềm tin và chuẩn mực của cộng đồng trong mối quan hệ giữa con người với tự nhiên.

2.1.2.4. Hành vi sinh thái

Hành vi sinh thái là những cách thức ứng xử của con người với những đối tượng cụ thể của tự nhiên trong lao động, sinh hoạt và đời sống xã hội, được định hướng bởi tri thức, giá trị và biểu tượng sinh thái mà cá nhân và cộng đồng thừa nhận.

2.1.2.5. Lối sống sinh thái

Lối sống sinh thái là trạng thái mà các hành vi sinh thái không còn tồn tại riêng lẻ, đã được duy trì thường xuyên, tự giác, ổn định trong hoạt động lao động, sản xuất, sinh hoạt và quan hệ xã hội của con người, từ đó trở thành những thói quen, nếp sống thường hàng ngày trên cơ sở các giá trị và biểu tượng sinh thái đã được cá nhân và cộng đồng thừa nhận.

2.1.2.6. Thiết chế sinh thái

Dưới góc độ tiếp cận của triết học Mác - Lênin, thiết chế sinh thái là hệ thống các quy tắc, chuẩn mực, tổ chức và cơ chế được Nhà nước và cộng đồng xác lập nhằm điều chỉnh mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, đồng thời bảo vệ và phát triển các giá trị sinh thái đã được cộng đồng thừa nhận.

2.2. XÂY DỰNG VĂN HOÁ SINH THÁI CỦA NGƯỜI DÂN Ở TỈNH ĐẮK LẮK - QUAN NIỆM, CHỦ THỂ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG THỨC

2.2.1. Quan niệm về xây dựng văn hóa sinh thái

** Khái niệm xây dựng văn hoá sinh thái*

Xây dựng văn hóa sinh thái là quá trình hình thành và phát triển hệ giá trị, nhận thức, hành vi và lối sống của con người nhằm sống hài hòa với thiên nhiên, BVMT và thúc đẩy PTBV.

** Khái niệm xây dựng văn hoá sinh thái của người dân*

Xây dựng văn hóa sinh thái của người dân là quá trình cá nhân, gia đình hoặc cộng đồng cư dân, bằng tri thức bản địa kết hợp với khoa học hiện đại, hình thành và duy trì lối sống, phong tục, tập quán, cũng như các hoạt động kinh tế - xã hội theo hướng hài hòa với tự nhiên. Đây là sự gắn kết giữa bảo tồn môi trường (rừng, biển, đất, nước, đa dạng sinh học) với giữ gìn bản sắc văn hóa, đồng thời tạo nền tảng cho PTBV.

** Khái niệm xây dựng văn hóa sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk*

Xây dựng văn hóa sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk là quá trình cá nhân, gia đình, cộng đồng các dân tộc sống ở Đắk Lắk, kết hợp tri thức bản địa với khoa học hiện đại để hình thành lối sống và hoạt động kinh tế - xã hội hài hòa với thiên nhiên

2.2.2. Chủ thể xây dựng văn hoá sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk

2.2.2.1. Người dân ở tỉnh Đắk Lắk

Một là: Quan niệm về người dân ở tỉnh Đắk Lắk

Trong luận án này, người dân ở tỉnh Đắk Lắk được hiểu là các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng dân cư sinh sống trên địa bàn tỉnh, trực tiếp lao động, sản xuất, sinh hoạt và tham gia các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội trong không gian tự nhiên và văn hóa của địa phương.

Hai là: Đặc điểm người dân ở tỉnh Đắk Lắk

Đa dạng về thành phần dân tộc; đa dạng về sinh kế; khác biệt về điều kiện tiếp cận và phương thức sử dụng tài nguyên; sự khác biệt về nhận thức, năng lực, mức độ tham gia của người dân.

Ba là: Cơ cấu người dân ở tỉnh Đắk Lắk và vai trò của họ trong xây dựng văn hóa sinh thái

Cơ cấu người ở tỉnh Đắk Lắk được phân chia tên phương diện cơ cấu dân tộc; nghề nghiệp. Trong đó cộng đồng dân cư theo dân tộc đóng vai trò tích lũy, lưu giữ và duy trì các giá trị VHST. Cộng đồng dân cư theo nghề nghiệp thực hành và xây dựng giá trị VHST hiện đại.

2.2.2.2. Người dân ở tỉnh Đắk Lắk với tư cách là chủ thể xây dựng văn hoá sinh thái

Thứ nhất, người dân tiếp nhận, vận dụng, sáng tạo, duy trì và truyền nối tri thức, giá trị, biểu tượng và chuẩn mực ứng xử với tự nhiên; *thứ hai*, người dân hiện thực hóa các yếu tố VHST thông qua việc lựa chọn, điều chỉnh hành vi, lối sống và phương thức sản xuất, tiêu dùng, sinh hoạt cho phù hợp với yêu cầu của bản thân và xã hội; *thứ ba*, người dân tham gia tổ chức đời sống cộng đồng, duy trì chuẩn mực chung và phối hợp với các chủ thể khác trong BVMT sinh thái.

2.2.3. Nội dung xây dựng văn hóa sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk

2.2.3.1. Hình thành và phát triển tri thức, hệ giá trị và biểu tượng sinh thái

Thứ nhất, hình thành và phát triển tri thức sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk

Thứ hai; hình thành hệ giá trị sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk

(1) Đầu tiên, cần hình thành và phát triển ở người dân giá trị sống hài hòa với môi trường sinh thái

(2) Hình thành giá trị sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

(3) Hình thành giá trị bảo vệ và phục hồi môi trường sinh thái.

(4) Hình thành giá trị hợp tác cộng đồng trong bảo vệ môi trường sinh thái.

Thứ ba, hình thành, phát triển biểu tượng sinh thái, thực chất là gìn giữ, bồi đắp và phát huy những biểu tượng có khả năng lưu giữ, truyền tải và lan tỏa các giá trị VHST trong đời sống của người dân

2.2.3.2. Hình thành, phát triển hành vi, lối sống sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở hệ giá trị, chuẩn mực bảo vệ môi trường sinh thái

Một là, hình thành, phát triển hành vi sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk: (1) hình thành cách thức tổ chức sản xuất hiện đại và sinh kế bền vững trong điều kiện tỉnh đẩy mạnh phát triển nông nghiệp bền vững và kết nối kinh tế rừng - biển với mục tiêu phát triển kinh tế không làm tổn thương hệ sinh thái; (2) hình thành hành vi thực thi chuẩn mực pháp luật gắn liền với tự quản cộng đồng của người dân; (3) hình thành hành vi chủ động tham gia các cơ chế kinh tế và sinh kế gắn với bảo vệ môi trường sinh thái; (4) hình thành hành vi chủ động phòng ngừa, giám sát và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật môi trường của người dân ở Đắk Lắk.

Hai là, hình thành, phát triển lối sống sinh thái của người dân: (1) Ngăn ngừa lối sống thiên về tiêu dùng vật chất, làm tăng sức ép lên tài nguyên và môi trường để thỏa mãn nhu cầu con người; (2) hình thành lối sống xanh, sạch, hạn chế chất thải trong sản xuất và sinh hoạt; (3) hình thành lối sống gắn với sinh kế bền vững; (4) hình thành lối sống cộng đồng và trách nhiệm với không gian sống chung.

2.2.3.3. Hình thành và phát triển môi trường sinh thái mới thông qua nâng cao ý thức cộng đồng và kết nối truyền thống với hiện đại

Thứ nhất, người dân cần chủ động truyền nối các giá trị VHST cho thế hệ kế cận.

Thứ hai, Người dân cần chủ động tiếp nhận, chọn lọc những giá trị VHST còn phù hợp với điều kiện xã hội mới, hoặc chọn lọc giá trị sinh thái truyền thống có yếu tố còn phù hợp, kết hợp với tri thức khoa học, cộng nghệ hiện đại, hoặc dựa trên tri thức khoa học hiện đại để lý giải, tính hợp lý của các giá trị VHST truyền thống.

Thứ ba, người dân ở tỉnh Đắk Lắk cần chủ động tạo lập và duy trì thực hành những hoạt động sinh thái mới trong đời sống.

2.2.4. Phương thức xây dựng văn hóa sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk

2.2.4.1. Xây dựng văn hoá sinh thái thông qua giáo dục và nâng cao vai trò của nhận thức văn hoá sinh thái.

Thứ nhất, thông qua việc người dân tham gia các chương trình tuyên truyền, học tập về BVMT

Thứ hai, thông qua hoạt động giáo dục

Thứ ba, thông qua việc truyền dạy cho thế hệ trẻ trong gia đình, nhà trường và

cộng đồng, kết hợp giữa tri thức khoa học hiện đại với những kinh nghiệm, tri thức bản địa trong ứng xử với MTST. .

2.2.4.2. Xây dựng văn hoá sinh thái thông qua việc giữ gìn, phát huy các giá trị ứng xử với môi trường sinh thái truyền thống

Thứ nhất, người dân thông qua việc duy trì và tham gia các lễ hội, tín ngưỡng gắn với tự nhiên,

Thứ hai, thông qua việc vận dụng các kinh nghiệm truyền thống cần được thực hiện trên cơ sở chọn lọc, kế thừa những yếu tố còn phù hợp với điều kiện phát triển hiện nay, đồng thời loại bỏ những tập quán không còn đáp ứng yêu cầu PTBV.

Thứ ba, thông qua việc kết hợp tri thức bản địa với khoa học - công nghệ hiện đại,

Thứ tư, thông qua các hoạt động cộng đồng, các giá trị sinh thái truyền thống không chỉ được duy trì ở từng cá nhân mà còn trở thành chuẩn mực ứng xử chung của buôn làng và khu dân cư, tạo nên sức lan tỏa rộng rãi trong đời sống xã hội.

2.2.4.3. Xây dựng văn hoá sinh thái thông qua thực hiện nghiêm pháp luật về môi trường

Thứ nhất, thông qua việc tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Thứ hai, thông qua quá trình người dân thực hiện pháp luật, các quy định pháp lý dần được chuyển hoá thành hành vi VHST.

Thứ ba, việc tuân thủ pháp luật về môi trường từng bước trở thành biểu hiện của trách nhiệm xã hội và đạo đức sinh thái của người dân.

2.3.4.4. Xây dựng văn hoá sinh thái thông qua ứng dụng khoa học - công nghệ, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số

Thứ nhất, thông qua việc người dân sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo

Thứ hai, thông qua việc áp dụng các mô hình sản xuất sạch, nông nghiệp hữu cơ,

Thứ ba, thông qua việc hạn chế sử dụng nhựa dùng một lần, thay thế bằng các vật liệu sinh học đang tác động trực tiếp đến sản xuất và đời sống của người dân

2.3.4.5. Xây dựng văn hoá sinh thái thông qua hợp tác và liên kết

Thứ nhất, liên kết với doanh nghiệp và các tổ chức xã hội trong triển khai các dự án môi trường

Thứ hai, tham gia các chương trình, sáng kiến quốc gia và quốc tế BVMT và ứng phó với biến đổi khí hậu góp phần mở rộng hơn các VHST của người dân.

Thứ ba, chia sẻ kinh nghiệm và tăng cường liên kết giữa các cộng đồng dân cư, giữa các vùng sinh thái trong tỉnh nhằm nhân rộng các mô hình XD VHST

2.3. MỘT SỐ YẾU TỐ CƠ BẢN TÁC ĐỘNG ĐẾN XÂY DỰNG VĂN HOÁ SINH THÁI CỦA NGƯỜI DÂN Ở TỈNH ĐẮK LẮK

2.3.1. Môi trường tự nhiên và biến đổi khí hậu ở tỉnh Đắk Lắk

MTTN và biến đổi khí hậu ở Đắk Lắk là nền tảng vật chất của mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, từ đó ảnh hưởng đến nhận thức, hệ giá trị, chuẩn mực và hành vi ứng xử môi trường của cộng đồng dân cư.

2.3.2. Trình độ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở tỉnh Đắk Lắk

Tạo lập các điều kiện vật chất, giáo dục, khoa học - công nghệ và đời sống cần thiết cho XD VHST. Đồng thời, nó còn tác động đến nhận thức, giá trị, phương thức sản xuất, tiêu dùng và lối sống của người dân. Vì vậy, trình độ và mô hình phát triển kinh tế - xã hội quy định khả năng hình thành và hiện thực hóa VHST trong thực tiễn.

2.3.3. Quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hệ thống chính trị địa phương và hương ước, luật tục trong xây dựng văn hóa sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk

Nhân tố này thông qua định hướng, thể chế hóa và điều chỉnh nhận thức, giá trị, hành vi của người dân trong quan hệ với tự nhiên; đồng thời, chúng tạo lập cơ chế tổ chức, kiểm tra, giám sát và chuẩn mực cộng đồng để chuyển các giá trị sinh thái thành hành vi thực tiễn. Bản chất là định hướng và điều chỉnh quá trình hình thành, thực hành và duy trì VHST của người dân**.**

2.3.4. Trình độ của doanh nghiệp và người dân ở tỉnh Đắk Lắk

Nhân tố này tác động đến VHST thông qua năng lực nhận thức, quản trị, khoa học - công nghệ, sản xuất và tổ chức đời sống. Trình độ doanh nghiệp và người dân càng cao càng tạo khả năng tiếp nhận tri thức, áp dụng công nghệ xanh và chuyển hóa

nhận thức sinh thái thành hành vi thực tiễn. Bản chất là quyết định năng lực thực hành và hiện thực hóa VHST của doanh nghiệp và người dân.

Chương 3

XÂY DỰNG VĂN HÓA SINH THÁI CỦA NGƯỜI DÂN Ở TỈNH ĐẮK LẮK HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. THỰC TRẠNG XÂY DỰNG VĂN HÓA SINH THÁI CỦA NGƯỜI DÂN Ở TỈNH ĐĂK LẮK

3.1.1. Thực trạng chủ thể xây dựng văn hóa sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk

3.1.1.1. Nhận thức của người dân ở tỉnh Đắk Lắk về trách nhiệm bảo vệ môi trường sinh thái

Nhận thức của người dân ở tỉnh Đắk Lắk về trách nhiệm bảo vệ MTST đã có chuyển biến tích cực, ngày càng gắn trách nhiệm BVMT với hoạt động sản xuất và đời sống. Người dân bước đầu chủ động tiếp nhận và thực hiện trách nhiệm sinh thái, không còn chỉ xem đây là yêu cầu từ cơ quan quản lý. Tuy nhiên, mức độ chuyển biến chưa đồng đều giữa các khu vực và cộng đồng dân cư, nhận thức trách nhiệm sinh thái vẫn còn khác nhau.

3.1.1.2. Người dân ở tỉnh Đắk Lắk từng bước chủ động lựa chọn và điều chỉnh phương thức sản xuất và sinh kế

Người dân ở tỉnh Đắk Lắk từng bước chủ động lựa chọn và điều chỉnh phương thức sản xuất, sinh kế theo hướng hài hòa với môi trường sinh thái, bước đầu hình thành những cách làm và xu hướng sản xuất mới. Tuy nhiên, mức độ chủ động chưa đồng đều giữa các địa bàn và nhóm dân cư do còn phụ thuộc vào vốn, năng lực tổ chức sản xuất, khả năng tiếp cận khoa học - kỹ thuật và chính sách hỗ trợ.

3.1.1.3. Người dân ở tỉnh Đắk Lắk chủ động tham gia tự quản và hợp tác cộng đồng trong xây dựng văn hóa sinh thái

Người dân ở tỉnh Đắk Lắk chủ động tham gia tự quản và hợp tác cộng đồng trong xây dựng VHST, thể hiện qua việc cùng nhau thực hiện các quy ước bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan, quản lý và sử dụng hợp lý tài nguyên. Sự phối hợp giữa các hộ gia

đình, cộng đồng dân cư và các tổ chức ở cơ sở góp phần hình thành trách nhiệm chung và chuẩn mực ứng xử sinh thái. Tuy nhiên, mức độ tự quản và hợp tác chưa đồng đều giữa các địa bàn, chưa trở thành hoạt động thường xuyên và bền vững.

3.1.1.4. Người dân ở tỉnh Đắk Lắk bước đầu phát huy vai trò giám sát, phản ánh và đấu tranh với các hành vi gây tổn hại đến môi trường sinh thái

Thông qua cộng đồng dân cư, các tổ chức ở cơ sở và các kênh phản ánh, người dân đã tham gia phát hiện, phản ánh và đề nghị xử lý một số vấn đề môi trường tại địa phương. Tuy nhiên, sự tham gia này chưa đồng đều, tính chủ động và hiệu quả giám sát còn hạn chế, chưa trở thành hoạt động thường xuyên của đông đảo người dân.

3.1.1.5. Người dân ở tỉnh Đắk Lắk thực hiện truyền thừa và sáng tạo văn hóa sinh thái trong đời sống cộng đồng

Truyền thừa các giá trị VHST của người dân ở tỉnh Đắk Lắk hiện còn ở những cộng đồng dân cư còn tự duy trì được thiết chế, không gian và thực hành văn hóa truyền thống. Những cộng đồng dân cư có hình thức sáng tạo mới về VHST bước đầu xuất hiện ở khu vực có điều kiện sinh kế và lợi thế riêng như vùng ven biển, vùng có làng nghề truyền thống, vùng có di sản văn hóa lớn được nhà nước hỗ trợ bảo tồn. Mặc dù chưa trở thành năng lực phổ biến, ổn định và đồng đều trong đời sống của người dân toàn tỉnh, nhưng đây là biểu hiện vai trò chủ thể XD VHST của chính người dân trong tỉnh mà không chủ thể nào thay thế được.

3.1.2. Thực trạng nội dung xây dựng văn hóa sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk

3.1.2.1. Thực trạng hình thành và phát triển tri thức, hệ giá trị và biểu tượng sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk

Tri thức, hệ giá trị và biểu tượng sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk đã bước đầu được hình thành và phát triển, thể hiện qua sự kết hợp giữa tri thức bản địa với tri thức khoa học trong nhận thức và ứng xử với tự nhiên. Các giá trị tôn trọng, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên, môi trường ngày càng được chú trọng và từng bước thấm vào đời sống cộng đồng. Tuy nhiên, mức độ hình thành và phát triển chưa đồng

đều, một số tri thức, giá trị và biểu tượng sinh thái chưa được bảo tồn, phát huy và chuyển hóa đầy đủ thành hành vi, lối sống sinh thái.

3.1.2.2. Hình thành, phát triển hành vi, lối sống sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở hệ giá trị, chuẩn mực bảo vệ môi trường sinh thái

Hành vi và lối sống sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk đã bước đầu hình thành trên cơ sở các giá trị, chuẩn mực BVMT, thể hiện qua những thay đổi trong sản xuất, tiêu dùng và sinh hoạt. Người dân từng bước chuyển hóa nhận thức và giá trị sinh thái thành hành vi thực tiễn, góp phần hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường. Tuy nhiên, mức độ thực hành chưa đồng đều, một bộ phận người dân chưa duy trì thường xuyên và ổn định các hành vi, lối sống theo hướng sinh thái.

3.1.2.3. Thực trạng hình thành và phát triển môi trường sinh thái mới thông qua nâng cao ý thức cộng đồng và kết nối truyền thống với hiện đại

MTST mới của người dân ở tỉnh Đắk Lắk đang từng bước được hình thành thông qua nâng cao ý thức cộng đồng và kết hợp tri thức, giá trị truyền thống với khoa học, kỹ thuật hiện đại. Quá trình này góp phần hình thành không gian sống, sản xuất và sinh hoạt theo hướng thân thiện với môi trường, đồng thời phát huy các giá trị sinh thái cộng đồng. Tuy nhiên, mức độ hình thành còn chưa đồng đều, sự kết nối giữa truyền thống và hiện đại trong xây dựng MTST mới cần được củng cố và phát huy.

3.2. NHỮNG VẤN DỀ ĐẶT RA TỪ THỰC TRẠNG XÂY DỰNG VĂN HÓA SINH THÁI CỦA NGƯỜI DÂN Ở TỈNH ĐẮK LẮK

3.2.1. Vấn đề đặt ra từ chủ thể xây dựng văn hóa sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk

Một là, vấn đề phát huy đầy đủ tính chủ thể của người dân trong XD VHST trên cơ sở giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa sự định hướng, hỗ trợ từ bên ngoài với tính tự chủ của người dân; trong đó, sự hỗ trợ của Nhà nước, các Tổ chức CTXH, doanh nghiệp và cộng đồng phải hướng vào việc nâng cao năng lực tự tổ chức, tự điều chỉnh và duy trì các thực hành sinh thái của người dân, thay vì làm cho người dân phụ thuộc vào các tác động từ bên ngoài.

Hai là, vấn đề phối hợp và phát huy sức mạnh tổng hợp của các chủ thể trong XD VHST của người dân ở tỉnh Đắk Lắk. Là phải hình thành sự phối hợp phù hợp giữa các chủ thể, để vai trò và nguồn lực của từng chủ thể không chỉ được phát huy riêng lẻ mà còn có khả năng bổ trợ, cộng hưởng với nhau, tạo thành sức mạnh tổng hợp cho XD VHST của người dân ở tỉnh Đắk Lắk.

3.2.2. Những vấn đề đặt ra từ nội dung xây dựng văn hóa sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk

Một là, vấn đề hiện thực hóa tri thức, giá trị và chuẩn mực sinh thái thành hành vi và lối sống sinh thái. Là làm cho người dân vận dụng những tri thức, giá trị và chuẩn mực sinh thái đã hình thành vào thực tiễn sản xuất và đời sống, để chuyển thành hành vi, thói quen, lối sống sinh thái, đồng thời thu hẹp sự khác biệt năng lực thực hành VHST của người dân ở các địa bàn và nhóm dân cư và các lĩnh vực của đời sống.

Hai là, vấn đề xây dựng VHST của người dân ở tỉnh Đắk Lắk gắn với sinh kế, lợi ích kinh tế và yêu cầu phát triển bền vững. Là làm thế nào để VHST định hướng cho người dân trong lựa chọn sinh kế đảm bảo hài hòa lợi ích kinh tế và bảo vệ MTST.

Ba là, vấn đề kế thừa, phát huy các giá trị, chuẩn mực VHST truyền thống trong điều kiện hiện đại. Là việc người dân vừa phải duy trì, phát huy những tri thức, giá trị và chuẩn mực sinh thái truyền thống còn phù hợp, vừa tiếp nhận những tri thức, giá trị và chuẩn mực sinh thái mới, để VHST truyền thống không bị mai một, được phát triển và tiếp tục định hướng hành vi, lối sống của người dân trong điều kiện hiện đại.

3.2.3. Những vấn đề đặt ra từ phương thức xây dựng văn hóa sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay

Một là, vấn đề đặt ra từ đổi mới giáo dục và truyền thông trong xây dựng VHST, theo hướng phát huy tính chủ động của người dân, chuyển từ truyền đạt một chiều sang tương tác và tham gia của người dân; gắn tri thức với thực tiễn, kết hợp tri thức khoa học với tri thức sinh thái bản địa và lựa chọn phương thức phù hợp với từng địa bàn, cộng đồng và điều kiện sinh kế.

Hai là, vấn đề phát huy phương thức tự quản cộng đồng trong xây dựng VHST. Là phải phát huy tính chủ động, tự chủ của cộng đồng, khắc phục tình trạng cộng đồng chủ yếu tham gia vào các hoạt động do chính quyền và các Tổ chức CTXH vận động, tổ chức. Qua đó, cộng đồng từng bước chủ động tự tổ chức, tự giám sát và tự duy trì các chuẩn mực, thực hành sinh thái trong đời sống.

Ba là, vấn đề phát huy vai trò của khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong xây dựng VHST của người dân ở tỉnh Đắk Lắk. Là làm thế nào để khoa học – công nghệ và chuyển đổi số từ chỗ chủ yếu phục vụ nâng cao năng suất, giảm chi phí và đáp ứng yêu cầu thị trường trở thành phương thức góp phần thay đổi cách thức sản xuất, sử dụng tài nguyên và ứng xử với môi trường của người dân; đồng thời khắc

phục sự không đồng đều về khả năng tiếp cận, sử dụng và làm chủ công nghệ giữa các cộng đồng, địa bàn và nhóm sinh kế.

Bốn là, vấn đề phát huy các giá trị và thiết chế văn hóa truyền thống trong xây dựng VHST của người dân ở tỉnh Đắk Lắk. Là kết nối đầy đủ giá trị và thiết chế văn hóa truyền thống với các phương thức XD VHST khác của người dân ở tỉnh Đắk Lắk để trở thành một phương thức hỗ trợ thường xuyên, củng cố và định hướng hành vi sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk.

Chương 4: CÁC NHÓM GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ XÂY DỰNG VĂN HOÁ SINH THÁI CỦA NGƯỜI DÂN Ở TỈNH ĐẮK LẮK ĐẾN NĂM 2035

4.1. NHÓM GIẢI PHÁP VỀ CHỦ THỂ XÂY DỰNG VĂN HÓA SINH THÁI CỦA NGƯỜI DÂN Ở TỈNH ĐĂK LẮK

4.1.1. Phát huy vai trò lãnh đạo, định hướng và điều phối của hệ thống chính trị tỉnh

Một là, đối với Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk

Thứ nhất, chủ động ban hành và hoàn thiện hệ thống chủ trương, nghị quyết về XD VHST gắn với phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

Thứ hai, xây dựng VHST phải được cụ thể hóa hệ thống chủ trương, nghị quyết và cơ chế thực hiện, thự sự bám sát định hướng của Đảng và phù hợp với thực tiễn địa phương.

Thứ ba, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật và điều hành của các cơ quan nhà nước về XD VHST nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước và thực tiễn phát triển của địa phương.

Thứ tư, phát huy vai trò nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên ở Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk trong XD VHST nhằm tạo hiệu ứng lan toả trong xã hội.

Thứ năm, duy trì cơ chế tổng kết thực tiễn XD VHST của người dân ở Đắk Lắk thường xuyên trong quá trình triển khai định hướng và nghị quyết về VHST.

Hai là, đối với chính quyền tỉnh Đắk Lắk

Thứ nhất, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện hiệu quả chủ trương của Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk về VHST

Thứ hai, ban hành và phổ biến bộ tiêu chí "sống xanh" nhằm cụ thể hoá các chuẩn mực VHST trong đời sống xã hội của người dân ở tỉnh Đắk Lắk

Thứ ba, tổ chức tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức xã hội VHST.

Thứ tư, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước và kiểm soát thực thi pháp luật về môi trường.

Thứ năm, thiết lập cơ chế đồng quản lý tài nguyên và BVMT giữa chính quyền tỉnh Đắk Lắk và các cộng đồng dân cư trong tỉnh.

Thứ sáu, chuyển đổi mô hình sinh kế theo hướng kinh tế sinh thái gắn với chuỗi

giá trị bền vững.

Thứ bảy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu quản trị VHST.

4.1.2. Phát huy vai trò của doanh nghiệp, hợp tác xã trong tạo lập điều kiện duy trì VHST

Thứ nhất, tạo động lực và hỗ trợ người dân chuyển đổi mạnh mẽ mô hình sản xuất, kinh doanh theo hướng gắn lợi ích kinh tế với trách nhiệm BVMT.

Thứ hai, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch đang khai thác hình thức du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái góp phần hình thành môi trường và điều kiện để lan tỏa văn hóa ứng xử sinh thái cho du khách và người dân.

Thứ ba, doanh nghiệp tích cực tham gia vào các hoạt động hỗ trợ cộng đồng góp phần xây dựng môi trường sống xanh.

Thứ tư, phát huy vai trò của các hợp tác xã trong XD VHST của người dân trên địa bàn tỉnh. (1) Các hợp tác xã chủ động phát huy vai trò định hướng tổ chức sản xuất cho người dân ở tỉnh Đắk Lắk ; (2) Hợp tác xã cần làm cầu nối, hỗ trợ người dân các điều kiện để tham gia vào chuỗi kinh tế sinh thái và chuyển đổi số trong sản xuất hiện nay.

4.1.3. Phát huy tính chủ thể, tính tự chủ và năng lực tự tổ chức của người dân

Thứ nhất, phát huy vai trò chủ thể của người dân trong việc giữ gìn và phát huy tri thức bản địa.

Thứ hai, phát huy vai trò trò tự quản và giám sát cộng đồng trong bảo vệ môi trường sinh thái thông quá việc góp ý kiến xây dựng hương ước, quy ước ở cộng đồng dân cư và giám sát thực hiện các hương ước, quy ước.

Thứ ba, đẩy mạnh hơn nữa việc thực hành lối sống xanh trong sản xuất và đời sống hàng ngày.

Thứ tư, người dân tích cực tham gia các phong trào cộng đồng về BVMT không chỉ để tiếp nhận tri thức về MTST, tiếp nhận chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước về BVMT, mà còn là môi trường để người dân trực tiếp tham gia, hình thành và duy trì những hành vi ứng xử phù hợp với MTST.

4.2. NHÓM GIẢI PHÁP VỀ NỘI DUNG XÂY DỰNG VĂN HÓA SINH THÁI CỦA NGƯỜI DÂN Ở TỈNH ĐĂK LẮK

4.2.1. Củng cố và phát triển tri thức, giá trị sinh thái gắn với điều kiện thực tiễn của người dân ở tỉnh Đắk Lắk

Thứ nhất,, tiếp tục đổi mới giáo dục và truyền thông cộng đồng nhằm củng cố, kế thừa có chọn lọc và phát huy giá trị văn hóa bản địa gắn với BVMT sinh thái .

Thứ hai, tổ chức lễ hội văn hóa gắn với bảo vệ môi trường

4.2.2. Chuyển hóa giá trị sinh thái thành hành vi, thói quen và lối sống

sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk

Thứ nhất, đưa hệ giá trị, chuẩn mực sinh thái truyền thống tiếp tục gắn với đời sống thực tiễn của cộng đồng và trực tiếp tham gia vào điều chỉnh hành vi ứng xử giữa con người và tự nhiên.

Thứ hai, chuyển hóa các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường thành hành vi chấp hành tự giác, thường xuyên của người dân.

Thứ ba, phát huy vai trò của chính quyền trong thiết lập cơ chế và điều kiện để duy trì hành vi sinh thái của người dân.

Thứ tư, duy trì và củng cố hành vi BVMT sinh thái thông qua hoạt động cộng đồng, sinh kế xanh và cơ chế nêu gương xã hội.

4.3. NHÓM GIẢI PHÁP VỀ PHƯƠNG THỨC XÂY DỰNG VĂN HÓA SINH THÁI CỦA NGƯỜI DÂN Ở TỈNH ĐĂK LẮK

4.3.1. Đổi mới giáo dục và truyền thông theo hướng tương tác, trải nghiệm và phát huy tính chủ thể của người dân

Thứ nhất, đổi mới nội dung giáo dục, truyền thông theo hướng gắn với giá trị văn hoá bản địa và các vấn đề MTST của địa phương.

Thứ hai, đổi mới phương thức giáo dục - truyền thông theo hướng tăng tính trải nghiệm và tương tác xã hội trong cộng đồng dân cư.

Thứ ba, đổi mới cách tiếp cận trong giáo dục, truyền thông theo hướng phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư.

4.3.2. Phát huy tự quản cộng đồng, tự giám sát và tự duy trì các thực hành sinh thái

Thứ nhất, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội các địa phương cần tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các mô hình tự quản môi trường

Thứ hai, cần đặc biệt quan tâm củng cố và phát huy các tổ tự quản ở các buôn, làng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, cả về quy mô, phạm vi và hiệu quả hoạt động.

Thứ ba, Đối với các khu dân cư ở các đô thị và các khu dân cư ở nông thôn ở Đắk Lắk cần quan tâm củng cố, phát huy các tổ tự quản bảo vệ môi trường đã có và từng bước hình thành các tổ quan ở những khu dân cư chưa có.

4.3.3. Phát huy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong xây dựng VHST

Thứ nhất, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ trong quản lý tài nguyên bảo vệ môi trường sinh thái và tổ chức sản xuất theo hướng sinh thái, qua đó hỗ trợ người dân hình thành và duy trì các hành vi sinh thái phù hợp.

Thứ hai, thúc đẩy đổi mới sáng tạo theo hướng gắn giá trị sinh thái với lợi ích kinh tế vào đời sống cộng đồng.

Thứ ba, phát huy vai trò của chuyển đổi số trong kết nối cộng đồng, giám sát xã

hội và lan toả các giá trị văn hoá sinh thái.

4.3.4. Phát huy văn hóa, tín ngưỡng, luật tục và thiết chế cộng đồng truyền thống trong xây dựng VHST

Đối với phía Đông của tỉnh: bảo tồn các hình thức văn hoá truyền thống và duy trì không gian để văn hoá truyền thống có chưa đựng các giá trị, chuẩn mực sinh thái; cần phát huy vai trò của già làng, trưởng buôn, nghệ nhân, người có uy tín và các chủ thể nắm giữ tri thức văn hoá truyền thống

Đối với phía Tây của tỉnh: lồng ghép vấn đề BVMT biển cho người dân; phát huy các phong tục và quy ước cộng đồng trong bảo vệ nguồn nước và cảnh quan sinh thái; định hướng phát triển các lễ hội, không gian văn hoá và hoạt động du lịch cộng đồng theo hướng "lễ hội xanh", "du lịch xanh", hạn chế các hoạt động gây tổn hại đến hệ sinh thái và cảnh quan ven biển

KẾT LUẬN

Văn hoá sinh thái là một bộ phận quan trọng của đời sống văn hóa, phản ánh trình độ nhận thức, thái độ, hành vi và cách ứng xử của con người đối với tự nhiên nhằm hướng tới sự hài hòa giữa con người, xã hội và môi trường. Xây dựng VHST của người dân là quá trình hình thành, củng cố và phát triển các tri thức, giá trị, chuẩn mực, lối sống, thói quen và hành vi thân thiện với môi trường, góp phần bảo vệ hệ sinh thái và bảo đảm PTBV. Đối với tỉnh Đắk Lắk, xây dựng VHST của người dân không chỉ là yêu cầu khách quan xuất phát từ nhiệm vụ BVMT mà còn là điều kiện để phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, giữ gìn không gian sinh tồn và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, sự quản lý của chính quyền các cấp cùng với sự tham gia của các Tổ chức CTXH, doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân, hoạt động XD VHST ở tỉnh Đắk Lắk đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Nhận thức của người dân về vai trò của MTST, BVMT và PTBV từng bước được nâng cao; nhiều phong trào, mô hình BVMT được triển khai; các giá trị văn hóa truyền thống gắn với bảo vệ rừng, nguồn nước và tài nguyên thiên nhiên tiếp tục được kế thừa, phát huy; ý thức thực hiện các quy định pháp luật về BVMT ngày càng được cải thiện. Những kết quả đó góp phần hạn chế các hành vi gây tổn hại môi trường, thúc đẩy sử dụng hợp lý tài nguyên và từng bước hình thành lối sống thân thiện với môi trường.

Tuy nhiên, quá trình XD VHST vẫn còn nhiều hạn chế: nhận thức và hành vi sinh thái chưa đồng đều; tình trạng xả rác, sử dụng tài nguyên thiếu tiết kiệm, ô nhiễm môi trường trong sản xuất và sinh hoạt vẫn còn diễn ra; một số giá trị văn hóa truyền thống và luật tục có ý nghĩa tích cực chưa được phát huy hiệu quả và có nguy cơ mai một; công tác tuyên truyền, giáo dục ở một số địa phương còn mang tính hình thức; sự phối hợp giữa các chủ thể chưa thật sự chặt chẽ; việc chuyển hóa tri thức, giá trị sinh thái thành hành vi tự giác, thường xuyên còn chậm.

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả xây dựng VHST, cần nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực thực hành VHST cho người dân; đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, giáo dục; cụ thể hóa hệ giá trị và chuẩn mực VHST phù hợp với điều kiện của tỉnh; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, hương ước, luật tục tích cực; phát huy vai trò của nhà trường, cộng đồng dân cư và các chủ thể liên quan; tăng cường thực thi pháp luật, kiểm tra, giám sát; đồng thời đẩy mạnh phát triển kinh tế xanh, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Vũ Thị Ngọc (2026), "Phát huy vai trò của chính quyền địa phương trong việc xây dựng văn hoá sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk", *Tạp chí quản lý nhà nước điện tử*, ngày 7/4/2026, tại trang https://www.quanlynhanuoc.vn
2. Vũ Thị Ngọc (2026), "Những yếu tố cơ bản tác động đến xây dựng văn hoá sinh thái của người dân ở tỉnh Đắk Lắk", *Tạp chí Tổ chức Nhà nước và lao động*, (4), tr.91-94.
3. Vũ Thị Ngọc (2026), "Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng trong xây dựng văn hoá sinh thái ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay", *Tạp chí Tổ chức Nhà nước và lao động,* (6) tr 36 -39,